

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HS-PT
Ngày 04-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum;

Ông Hoàng Huy Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 70/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Xuân P. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Xuân P, sinh năm 1991 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm E, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: số F, khu phố Đ, phường T, thành Phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ tên Lê Thị L và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại và 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Xuân P là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH S1 (sau đây gọi tắt là Công ty S1), địa chỉ số C, đường số F, khu Công nghiệp S, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Nhiệm vụ của P là bán hàng (kính xe ô tô) cho khách hàng đồng thời được nhận tiền chuyển khoản của khách hàng rồi thanh toán lại cho công ty. Trong tháng 2 và tháng 3 năm 2022, P đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu khách hàng của công ty TNHH S1 là Cửa hàng P1, H1 kinh doanh Nguyễn Văn L1 và Cửa hàng phụ tùng ô tô Trung Quốc N trả tiền công nợ, đồng thời P yêu cầu khách hàng chuyển tiền thanh toán vào tài khoản cá nhân của P qua số tài khoản 5500205447497 Ngân hàng N1 (A1). Do hộ kinh doanh Nguyễn Văn L1, Cửa hàng phụ tùng ô tô Trung Quốc N trước đây cũng thường thanh toán vào tài khoản cá nhân cho P nên khi P yêu cầu thanh toán, các khách hàng sau khi đối chiếu công nợ thấy phù hợp nên đã chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản cá nhân của P. Đối với Cửa hàng P1, trước đây thường thanh toán vào tài khoản cá nhân cho bà Phạm Thị Mỹ H2 (là kế toán trưởng của Công ty S1), tuy nhiên vào tháng 2, 3 năm 2022 P báo với cửa hàng là bà H2 bị covid và yêu cầu cửa hàng P1 chuyển tiền vào tài khoản của P, do làm việc với P nhiều lần, tin tưởng P nên sau khi đối chiếu công nợ Cửa hàng Phương N chuyển tiền vào tài khoản cho P mà không xác nhận lại với công ty. Sau khi nhận tiền từ các khách hàng trên thì P đầu tư kinh doanh và tiêu xài cá nhân hết nên đã không thanh toán lại cho Công ty S1. Đến tháng 3/2022, P tự ý nghỉ việc, đầu tháng 4/2022, Công ty S1 phát hiện bị P chiếm đoạt tài sản là tiền công nợ nên đại diện theo ủy quyền của Công ty đã đến Công an trình báo về hành vi của P. Số tiền P không thanh toán cho Công ty S1 từ ngày 04/02/2022 đến ngày 28/3/2022 như sau:

- Lần 1: Ngày 04/02/2022, P yêu cầu khách hàng là H1 kinh doanh Phương Ngân A do bà Nguyễn Thị Thu H3 là người đại diện hộ kinh doanh chuyển vào tài khoản 5500205447497 của P số tiền 8.840.000 đồng tiền mua kính xe ô tô.

- Lần 2: Ngày 09/3/2022, P yêu cầu khách hàng là H1 kinh doanh Nguyễn Văn L1 do anh Nguyễn Văn L1 là người đại diện hộ kinh doanh chuyển vào tài khoản 5500205447497 của P số tiền là 9.430.000 đồng tiền mua kính xe ô tô.

- Lần 3: Ngày 16/3/2022, P yêu cầu khách hàng là Hộ kinh doanh P2 do chị Nguyễn Thị Thu H3 là đại diện hộ kinh doanh chuyển vào tài khoản 5500205447497 của P số tiền 8.830.000 đồng tiền mua kính xe ô tô.

- Lần 4: Ngày 28/3/2022, P yêu cầu khách hàng là H1 kinh doanh Nguyễn Văn L1 do anh Nguyễn Văn L1 là người đại diện hộ kinh doanh chuyển vào tài khoản 5500205447497 của P số tiền là 9.720.000 đồng tiền mua kính xe ô tô.

- Lần 5: Ngày 28/3/2022, P yêu cầu khách hàng là cửa hàng phụ tùng ô tô Trung Quốc N do anh T1 Ngọc S là người đại diện hộ kinh doanh chuyển vào tài khoản 5500205447497 của P số tiền là 21.890.000 đồng tiền mua kính xe ô tô.

Tổng số tiền mà P chiếm đoạt của Công ty S1 là 58.710.000 đồng. Ngày 03/11/2022, P đến Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: Không.

* Về trách nhiệm dân sự: Ngày 31/8/2022, ông Phạm Xuân Đ là anh ruột của P đã thoả thuận bồi thường cho Công ty S1 số tiền: 58.710.000 đồng mà P chiếm đoạt, bà Trần Thị Thanh U là đại diện theo ủy quyền của Công ty S1 đã nhận số tiền này và không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKS-DA ngày 09 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Xuân P về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân P phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, bị cáo Phạm Xuân P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo xác định kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Phạm Xuân P là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Xuân P kháng cáo xin xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo xác định kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Xét thấy, bị cáo P có hành vi lợi dụng được Công ty S1 giao nhiệm vụ thu tiền hàng cho công ty và có nghĩa vụ chuyển trả lại cho Công ty, nhưng bị cáo P đã 05 lần thu tiền từ 8.830.000 đồng đến 21.890.000 đồng với tổng số tiền 58.710.000 đồng, rồi chiếm đoạt tiêu xài hết không hoàn trả lại cho công ty và tự ý nghỉ việc bỏ đi khỏi địa phương, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thừa nhận có hành vi phạm tội thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; đã vận động gia đình bồi thường thiệt hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Do đó, có cơ sở xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân P.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị

cáo Phạm Xuân P, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 12/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương giảm 06 tháng tù đối với bị cáo P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân P được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Phạm Xuân P được Công ty S1 giao nhiệm vụ bán hàng và thu tiền của các khách hàng, sau đó giao nộp về cho Công ty thông qua bộ phận kế toán. Lợi dụng nhiệm vụ và quyền hạn được giao, trong khoảng thời gian từ ngày 04/02/2022 đến ngày 28/3/2022, Phạm Xuân P đã 05 lần sử dụng tài khoản cá nhân của mình số 5500205447497 mở tại Ngân hàng N1 để nhận tiền thanh toán tiền hàng cho Công ty của các khách hàng là Hộ kinh doanh P2, H1 kinh doanh Nguyễn Văn L1, cửa hàng phụ tùng ô tô Trung Quốc N chuyển khoản để chiếm đoạt với tổng số tiền là 58.710.000 đồng. Hành vi lợi dụng nhiệm vụ và quyền hạn được giao để nhiều lần chiếm đoạt tài sản của Công ty do bị cáo Phạm Xuân P thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Xuân P kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, bị cáo xác định kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Xét thấy bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là nặng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị là phù hợp một phần.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1 Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân P phạm tội “Tham ô tài sản”.

1.2 Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân P 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Xuân P không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
 - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
 - Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
 - Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương
- (5);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương;
 - Bị cáo (01);
 - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương;
 - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
 - Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
 - Lưu VP (4), hồ sơ vụ án, HTHT, 25.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quân Vương